TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 764/2026/QĐST-DS
Ngày: 27/5/2026.
(V/v:Chia thừa kế).

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TÒA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Hoàng Đình Trung
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1/ Bà Lương Thị Phương
2/ Bà Bùi Thị Hạnh
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 681/2025/TLST-DS ngày 22/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2026/QĐXXST ngày 21/4/2026, Quyết định Hoãn phiên tòa số 208/2026/QĐ-HPT ngày 14/5/2026 giữa:

1.Nguyên đơn:
+ Bà Nguyễn Thị T sinh 1960;
Nơi thường trú: Số A ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội.
+ Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh 1963;
Nơi thường trú: Số A ngách H P, phường G, thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Nguyễn Thị T sinh 1960 và Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh 1963: Luật sư Ngô Thế T2 và Luật sư Đỗ Thị Thu H – Công ty L1 – Đoàn luật sư thành phố H.

2. Bị đơn*: Bà Đặng Thị V sinh 1962; Ông Nguyễn Đại L sinh 1986; Ông Nguyễn Xuân M sinh 1996;*
Nơi thường trú: Số A ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Đặng Thị V sinh 1962, Ông Nguyễn Đại L sinh 1986, Ông Nguyễn Xuân M sinh 1996: Luật sư Trần Ngọc T3 và Luật sư Trịnh Thị H1 – Công ty L2 – Đoàn luật sư thành phố H

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh ngày 27/6/1970;
Nơi thường trú: Số A ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội.
+ Bà Nguyễn Thị T5 sinh ngày 31/12/1973;
Nơi thường trú: phòng F - B G, phường G, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T, Bà Nguyễn Thị Minh T1 có ý kiến*:**
Bố đẻ chúng tôi là cụ **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1933, chết ngày 17/03/1997 và mẹ đẻ tôi là cụ **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1936, chết ngày 31/05/2023.
Bố mẹ chúng tôi sinh được 05 anh/chị/em chúng tôi gồm:

Ông **Nguyễn Xuân T6**, sinh năm 1958, chết ngày 22/08/2019; Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; Tôi **Nguyễn Thị Minh T1**, sinh năm 1963; Bà **Nguyễn Thị Kim T4**, sinh năm 1970; Bà **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1973.
Ngoài ra bố, mẹ tôi không có con riêng, con nuôi hay người nào khác mà khi còn sống các cụ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng.
Về ông nội, bà nội và ông ngoại, bà ngoại của tôi:
Ông nội chúng tôi là cụ **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1885; chết năm 1958 và bà nội tôi là cụ **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1900; chết năm 1965.
Ông ngoại chúng tôi là cụ **Nguyễn Văn C1**, sinh năm 1880; chết năm 1945 và bà ngoại tôi là cụ **Phạm Thị T7**, sinh năm 1882, chết năm 1948.
Ngoài các cụ nên trên, bố mẹ tôi cũng không có bố nuôi, mẹ nuôi.
Bố chúng tôi chết ngày 17/03/1997, đến năm 2019 thì anh trai tôi là ông Nguyễn Xuân T6 chết; đến ngày 31/05/2023 thì mẹ tôi chết.
Ông **Nguyễn Xuân T6**, sinh năm 1958, chết ngày 22/08/2019 nên những người thừa kế của ông T6 gồm vợ và các con là:Bà **Đặng Thị V** (là vợ), sinh năm 1962; Anh **Nguyễn Đại L** (là con), sinh năm 1986; Anh **Nguyễn Xuân M** (là con), sinh năm 1996.
Về di sản thừa kế:
Sinh thời bố, mẹ tôi *(cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị B1)* đã tạo lập được khối tài sản là bất động sản bao gồm nhà và đất tại địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T (nay là số A, ngõ A L, phường T), thành phố Hà Nội. Nhà đất này đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010246; số sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 vào ngày 24/08/2000 đối với: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46; diện tích 51,829m2; sử dụng riêng; nhà ở tổng diện tích sử dụng 68,0m2; diện tích xây dựng 40,0m2; nhà 02 tầng; đặc điểm cụ thể được ghi theo Giấy chứng nhận nêu trên.
Bố, mẹ tôi là người tạo lập và quản lý nhà đất; năm 1997 bố tôi mất thì mẹ tôi tiếp tục quản lý nhà đất cho đến khi chết (31/05/2023); hiện tại nhà đất đang do mẹ con bà Đặng Thị V (con dâu) tạm thời sử dụng.
Về người được nhận di sản thừa kế:
Bố tôi là cụ Nguyễn Văn B chết ngày 17/03/1997 và mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị B1 chết ngày 31/05/2023. Khi chết, bố mẹ tôi không để lại di chúc và không để lại bất kỳ nghĩa vụ nào mà những người thừa kế như tôi phải thực hiện.
Theo quy định của pháp luật hiện nay thì 05 anh, chị, em chúng tôi là người thừa kế theo pháp luật và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố, mẹ tôi.
Sau khi mẹ tôi chết, các chị, em chúng tôi đã nhiều lần họp bàn để thống nhất chia di sản thừa kế; 04 chị em chúng tôi cũng tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi để cho chị dâu *(bà Đặng Thị V)* cùng các cháu *(anh Nguyễn Đại L và anh Nguyễn Xuân M)* cư trú và hợp tác để hoàn thiện hồ sơ, niêm yết thừa kế, khai nhận, phân chia và bán di sản nêu. Tuy nhiên với mục đích là chiếm nhà để ở và không muốn chia di sản thừa kế nên bà Đặng Thị V và các cháu không hợp tác thực hiện; liên tục gây khó khăn; gây áp lực khiến tôi vô cùng mệt mỏi về tinh thần, kiệt quệ về sức lực.
Về yêu cầu và đề nghị Toà án giải quyết:
Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi đã làm đơn khởi bà Đặng Thị V cùng các con là anh Nguyễn Đại L và anh Nguyễn Xuân M *(những người thừa kế của ông Nguyễn Xuân T6)* đến Toà án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hà Nội về việc chia di sản thừa kế mà bố, mẹ tôi để lại là Nhà và đất nêu trên theo quy định của pháp luật; cụ thể chia làm 05 kỷ phần cho 05 anh, chị, em chúng tôi; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần như bằng nhau; tôi tự xác định giá trị tài sản thừa kế tranh chấp là **15.000.000.000đ (*Mười lăm tỷ đồng*);** mỗi kỷ phần tương đương là **3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)***. Tôi đề nghị Toà án chia cho tôi 01 kỷ phần tương ứng với

3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)* và hưởng bằng hiện vật là diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở, do hiện nay tôi cũng đang không có chỗ ở, phải đi thuê. Nếu được các chị em đồng thì thì tôi sẽ gộp cùng 04 chị em và nhập chung với nhau để hưởng 04 kỷ phần tương ứng với **12.000.000.000đ *(Mười hai tỷ đồng)***; chúng tôi đề nghị nhận bằng hiện vật là diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất; đồng thời sẵn sàng thanh toán cho mẹ con bà Đặng Thị V, anh Nguyễn Đại L và an Nguyễn Xuân M 01 kỷ phần tương ứng với **3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)***.
Xác nhận vào ngày 24/9/2024, chúng tôi có tham gia lập vi bằng số 547/VB-TPLHT do Văn phòng T8 với nội dung đã được ghi nhận lại Vi bằng;
Chúng tôi đã thông báo về chứng thư thẩm định giá số 442/2026/034/TC-VVF ngày 20/3/2026 và không có ý kiến gì.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: *Bà Nguyễn Thị Kim T4, Bà Nguyễn Thị T5 có ý kiến*:
Bố đẻ chúng tôi là cụ **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1933, chết ngày 17/03/1997 và mẹ đẻ tôi là cụ **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1936, chết ngày 31/05/2023;
Bố mẹ chúng tôi sinh được 05 anh/chị/em chúng tôi gồm:
Ông **Nguyễn Xuân T6**, sinh năm 1958, chết ngày 22/08/2019; Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1960; **Nguyễn Thị Minh T1**, sinh năm 1963; Bà **Nguyễn Thị Kim T4**, sinh năm 1970; Bà **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1973.
Ngoài ra bố, mẹ tôi không có con riêng, con nuôi hay người nào khác mà khi còn sống các cụ phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng.
Về ông nội, bà nội và ông ngoại, bà ngoại của tôi:
Ông nội chúng tôi là cụ **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1885; chết năm 1958 và bà nội tôi là cụ **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1900; chết năm 1965.
Ông ngoại tôi là cụ **Nguyễn Văn C2** , sinh năm 1880; chết năm 1945 và bà ngoại tôi là cụ **Phạm Thị T7**, sinh năm 1882, chết năm 1948.
Ngoài các cụ nên trên, bố mẹ tôi cũng không có bố nuôi, mẹ nuôi.
Bố tôi chết ngày 17/03/1997, đến năm 2019 thì anh trai tôi là ông Nguyễn Xuân T6 chết; đến ngày 31/05/2023 thì mẹ tôi chết.
Ông **Nguyễn Xuân T6**, sinh năm 1958, chết ngày 22/08/2019 nên những người thừa kế của ông T6 gồm vợ và các con là: Bà **Đặng Thị V** (là vợ), sinh năm 1962; Anh **Nguyễn Đại L** (là con), sinh năm 1986; Anh **Nguyễn Xuân M** (là con), sinh năm 1996.
Về di sản thừa kế:
Sinh thời bố, mẹ tôi *(cụ Nguyễn Văn B và cụ Nguyễn Thị B1)* đã tạo lập được khối tài sản là bất động sản bao gồm nhà và đất tại địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T (nay là số A, ngõ A L, phường T), thành phố Hà Nội. Nhà đất này đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010246; số sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 vào ngày 24/08/2000 đối với: Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46; diện tích 51,829m2; sử dụng riêng; nhà ở tổng diện tích sử dụng 68,0m2; diện tích xây dựng 40,0m2; nhà 02 tầng; đặc điểm cụ thể được ghi theo Giấy chứng nhận nêu trên.
Bố, mẹ tôi là người tạo lập và quản lý nhà đất; năm 1997 bố tôi mất thì mẹ tôi tiếp tục quản lý nhà đất cho đến khi chết (31/05/2023); hiện tại nhà đất đang do mẹ con bà Đặng Thị V (con dâu) tạm thời sử dụng.
Về người được nhận di sản thừa kế:
Bố tôi là cụ Nguyễn Văn B chết ngày 17/03/1997 và mẹ tôi là cụ Nguyễn Thị B1 chết ngày 31/05/2023. Khi chết, bố mẹ tôi không để lại di chúc và không để lại bất kỳ nghĩa vụ nào mà những người thừa kế như tôi phải thực hiện.
Theo quy định của pháp luật hiện nay thì 05 anh, chị, em chúng tôi là người thừa kế theo pháp luật và thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bố, mẹ tôi.

Sau khi mẹ tôi chết, các chị, em chúng tôi đã nhiều lần họp bàn để thống nhất chia di sản thừa kế; 04 chị em chúng tôi cũng tạo rất nhiều điều kiện thuận lợi để cho chị dâu *(bà Đặng Thị V)* cùng các cháu *(anh Nguyễn Đại L và anh Nguyễn Xuân M)* cư trú và hợp tác để hoàn thiện hồ sơ, niêm yết thừa kế, khai nhận, phân chia và bán di sản nêu. Tuy nhiên với mục đích là chiếm nhà để ở và không muốn chia di sản thừa kế nên bà Đặng Thị V và các cháu không hợp tác thực hiện; liên tục gây khó khăn; gây áp lực khiến tôi vô cùng mệt mỏi về tinh thần, kiệt quệ về sức lực.

Về yêu cầu và đề nghị Toà án giải quyết:

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, tôi đã làm đơn khởi bà Đặng Thị V cùng các con là anh Nguyễn Đại L và anh Nguyễn Xuân M *(những người thừa kế của ông Nguyễn Xuân T6)* đến Toà án nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hà Nội về việc chia di sản thừa kế mà bố, mẹ tôi để lại là Nhà và đất nêu trên theo quy định của pháp luật; cụ thể chia làm 05 kỷ phần cho 05 anh, chị, em chúng tôi; mỗi người được hưởng 01 kỷ phần như bằng nhau; tôi tự xác định giá trị tài sản thừa kế tranh chấp là **15.000.000.000đ (*Mười lăm tỷ đồng*);** mỗi kỷ phần tương đương là **3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)***. Tôi đề nghị Toà án chia cho tôi 01 kỷ phần tương ứng với **3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)*** và hưởng bằng hiện vật là diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở, do hiện nay tôi cũng đang không có chỗ ở, phải đi thuê. Nếu được các chị em đồng thì thì tôi sẽ gộp cùng 04 chị em và nhập chung với nhau để hưởng 04 kỷ phần tương ứng với **12.000.000.000đ *(Mười hai tỷ đồng)***; chúng tôi đề nghị nhận bằng hiện vật là diện tích quyền sử dụng đất và nhà ở trên đất; đồng thời sẵn sàng thanh toán cho mẹ con bà Đặng Thị V, anh Nguyễn Đại L và an Nguyễn Xuân M 01 kỷ phần tương ứng với **3.000.000.000đ *(Ba tỷ đồng)***.

Xác nhận vào ngày 24/9/2024, chúng tôi có tham gia lập vi bằng số 547/VB-TPLHT do Văn phòng T8 với nội dung đã được ghi nhận lại Vi bằng;

Chúng tôi là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn yêu cầu độc lập gửi Toà án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội vào ngày 21/01/2026 và đã được Toà án nhân dân Khu vực 1 -Hà Nội thụ lý yêu cầu độc lập vào ngày 22/01/2026.

Chúng tôi đã thông báo về chứng thư thẩm định giá số 442/2026/034/TC-VVF ngày 20/3/2026 và không có ý kiến gì.

Bị đơn: ***Bà Đặng Thị V, Ông Nguyễn Đại L, Ông Nguyễn Xuân M có ý kiến***:

Chúng tôi là: Đặng Thu V1, cùng hai con trai là Nguyễn Đại L và Nguyễn Xuân M cùng cư trú tại số nhà A ngõ A L phường T, thành phố Hà Nội và là bị đơn của vụ án phân chia di sản thừa kế theo thông báo thụ lý vụ án số 681/2025/TB-TA ngày 22/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội.

Hiện tại tôi cùng các con tôi là Nguyễn Đại L sinh năm 1986, Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 đang sinh sống tại số A ngõ A L phường T Hà Nội.

1. Về nguồn gốc và quá trình hình thành, tạo lập tài sản tại địa chỉ số A ngõ A L phường T Hà Nội

Năm 1985, tôi kết hôn cùng với chồng tôi là Nguyễn Xuân T6 (con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị B1). Khi về làm dâu vợ chồng tôi sống cùng với bố mẹ chồng và hai em chồng là Nguyễn Thị Kim T4 sinh năm 1970 và Nguyễn Thị T5 sinh năm 1973. Khi tôi về nhà chồng thì ông bà B có mảnh đất 90 m² trong đó có ngôi nhà tranh vách đất 3 gian, còn lại là sân và trái bếp với diện tích không đáng kể.

Do mong muốn xây ngôi nhà mới để ổn định lại cuộc sống, tôi và chồng tôi đã bỏ tiền ra mua sẵn gỗ và ngói để chuẩn bị xây nhà. Tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn, bố chồng tôi lại đau yếu nên đến khoảng năm 1990-1991 ông bà đã phải bán 40m2 để lấy tiền xây nhà, diện tích đất còn lại khoảng 51m2. Số tiền bán đất chỉ đủ xây một phần nhà khoảng **20m²** để cả gia đình 6 người sinh sống, vô cùng chật chội.

Tới khoản năm 1993–1994, vợ chồng tôi dành dụm được một số tiền tiết kiệm cùng với sự hỗ trợ giúp đỡ của gia đình bên ngoại, chúng tôi đã xây thêm 01 tầng nữa, tổng diện tích căn nhà 2 tầng lúc này là 40m2.
Năm 1995-1996, hai em chồng tôi lần lượt lập gia đình và chuyển về sống với gia đình chồng. Vợ chồng tôi sống với ông bà cho đến năm 1997 thì bố chồng tôi mất và không để lại di chúc. Vợ chồng tôi sống và chăm sóc mẹ chồng tôi là bà Nguyễn Thị B1. Đến năm 2012 Do con cái tôi lập gia đình, cần chỗ ở, toàn thể gia đình bên chồng đã **động viên và đồng ý cho vợ chồng tôi xây lại nhà**. Vì tin tưởng sự thống nhất của gia đình, tôi đã vay mượn và bỏ toàn bộ chi phí để xây **nhà 5 tầng,** tổng diện tích khoảng **230m²** như hiện nay.
Tất cả nghĩa vụ thuế, quản lý, thờ cúng đều do vợ chồng tôi và các con tôi thực hiện đầy đủ từ trước đến nay. Tuy nhiên đến năm 2019 thì chồng tôi qua đời, sau đó tôi và các con vẫn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà đất với nhà nước.
Mẹ chồng tôi khi còn sống luôn nói rõ:
Nhà để cho mẹ con tôi và các cháu thờ cúng ông bà tổ tiên, Nếu sau này bán thì phải có sự thống nhất của các cô, P của bà cho 2 cháu nội là Nguyễn Đại L và Nguyễn Xuân M; Phần của ông chia là 6 phần, và các hàng thừa kế có trách nhiệm hoàn trả cho tôi chi phí xây dựng nhà.
Tại thời điểm đó tôi, các con và các em chồng tôi đều vui vẻ đồng ý với phương án trên.

2. Quá trình phát sinh tranh chấp

Trong buổi giỗ chồng tôi vào năm 2024, các em chồng của tôi đề nghị thực hiện thủ tục kê khai di sản thừa kế để làm **giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (sổ đỏ) theo hình thức đồng sở hữu.**
Tuy nhiên, sau đó 04 người em chồng của tôi đã thay đổi quan điểm, không đồng ý với phương án phân chia như mẹ chồng tôi đã nói trước đây. Theo đó, các em chồng tôi đưa ra quan điểm như sau:
Một nửa giá trị nhà đất tương đương phần sở hữu của mẹ chồng tôi chia cho 2 con trai tôi là Nguyễn Đại L và Nguyễn Xuân M
Một nửa giá trị nhà đất tương đương phần sở hữu của bố chồng tôi chia cho 04 người em chồng của tôi; Hỗ trợ hoàn trả cho tôi 500 triệu đồng;
Dù điều này khác hoàn toàn so với thỏa thuận trước đây, nhưng do tình cảnh mẹ goá con côi và mong muốn giữ hòa khí, tình cảm gia đình nên mẹ con tôi đã đồng ý. Thoả thuận trên đã được lập thành vi bằng.
Sau đó gia đình tôi đã phối hợp cùng các cô em chồng tôi để tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế nhằm mục đích làm sổ đỏ đồng sở hữu, việc tìm luật sư tư vấn thực hiện thủ tục do các em chồng tôi thực hiện. Tôi cùng các con đã tích cực phối hợp cùng các bên cung cấp hồ sơ để nhanh chóng hoàn tất thủ tục. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện thủ tục đã gặp mốt số vướng mắc liên quan đến giấy tờ như, giấy khai sinh bị sai xót, không xác định được phần mộ của các cụ thân sinh ra bố mẹ chồng tôi… Khiến thủ tục chưa thể hoàn tất.
- yêu cầu xác định bất động sản gồm đất và nhà của ông bà B là tài sản phân chia thừa kế là ko đúng vì ngôi nhà là tài sản của chúng tôi như tôi đã nêu ở trên. Yêu cầu chia thừa kế cho 5 người chưa đủ pháp lý chưa hoàn thành thủ tục kê khai thừa kế. Trong đó các nguyên đơn tự định giá giá trị nhà đất là 15 tỷ đồng.

3. Quan điểm của chúng tôi về vấn đề trên.

Đối với nội dung khởi kiện ba mẹ con chúng tôi không đồng ý với những lý do sau:
Việc xác định toàn bộ đất và nhà là di sản thừa kế là không đúng, vì ngôi nhà 5 tầng hiện nay hoàn toàn do vợ chồng tôi đầu tư xây dựng, bằng tiền vay mượn và sự hỗ trợ của bố mẹ tôi. Vì vậy yêu cầu của các nguyên đơn về phương án chia thừa kế là không phù hợp.
Việc xác định giá trị tài sản là 15 tỷ đồng cũng không có căn cứ rõ ràng.

Nội dung đơn của nguyên đơn không đúng với lời nói và thỏa thuận trong gia đình trước đây, gây ảnh hưởng đến quyền lợi, chỗ ở và cuộc sống của mẹ con tôi.
Xác nhận vào ngày 24/9/2024, chúng tôi có tham gia lập vi bằng số 547/VB-TPLHT do Văn phòng T8 với nội dung đã được ghi nhận lại Vi bằng; Đề nghị thực hiện đúng nội dung đã thoả thuận tại vi bằng số 547/VB-TPLHT do Văn phòng T8.
Chúng tôi đã thông báo về chứng thư thẩm định giá số 442/2026/034/TC-VVF ngày 20/3/2026 và không có ý kiến gì.
Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.
Tại phần thủ tục phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án;
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hà Nội có quan điểm:
Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện vụ án Dân sự của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T sinh 1960 và Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh 1963 và yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim T4, Bà Nguyễn Thị T5 đối với Bị đơn: Bà Đặng Thị V sinh 1962; Ông Nguyễn Đại L sinh 1986; Ông Nguyễn Xuân M sinh 1996 về việc xin chia thừa kế, đây là tranh chấp Dân sự được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Vì vậy Tòa án nhân dân Khu vực 1- Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.
Việc tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
Căn cứ Điều 235, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay;

xÐt thÊy:

Việc tự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ Điều 235; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa;

V× c¸c lÏ tr¸n,

QUYÕT ®Þnh:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như sau:
2.1. Ông Nguyễn Văn B sinh năm 1933, chết ngày 17/03/1997 theo trích lục khai tử số: 260/TLKT-BS ngày 22/5/2025 của UBND phường B, quận T và Bà Nguyễn Thị Bình S năm 1936, chết ngày 31/05/2023 theo trích lục khaki tử số: 261/TLKT-BS ngày 22/5/2025 của UBND phường B, quận T.
Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 có 05 (Năm) người con gồm:
+ Ông Nguyễn Xuân T6 sinh ngày 07/6/1958 có vợ là Đặng Thị V sinh năm 1962 đăng ký kết hôn năm 1985 có hai con chung là Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986 và Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996. Ông Nguyễn Xuân T6 đã chết vào ngày 22/8/2019 theo Trích lục khai tử số: 98/TLKT ngày 23/8/2019 của UBND phường B, Quận T.
+ Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 24/01/1960;
+ Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh ngày 21/6/1963;
+ Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970;
+ Bà Nguyễn Thị Thu S1 31/12/1973;

2.2. Di sản thừa kế của Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 là: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46, địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (*Từ ngày 01/7/2025 là Số A, ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội*); diện tích đất: 51,829 m^2; hình thức sử dụng: sử dụng riêng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010264; hồ sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 do UBND thành phố H cấp ngày 24/8/2000. Tài sản có giá trị: 13.579.198.000 đồng *(Theo Chứng thư thẩm định giá số: 442/2026/034/TC-VVF ngày 20/3/2026 của Công ty Cổ phần T9);*
2.3. Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của Ông Nguyễn Văn B là ngày 17/03/1997; Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của Bà Nguyễn Thị B1 là ngày 31/05/2023;
Căn cứ án lệ số 05/2016 ngày 06/4/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định: Ông Nguyễn Xuân T6, Bà Đặng Thị V (Vợ ông T6), Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986 (Con Ông T6 và Bà V) và Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 (Con Ông T6 và Bà V) có nhiều công sức quản lý, tôn tạo đối với di sản thừa kế là: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46, địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (*Từ ngày 01/7/2025 là Số A, ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội*); diện tích đất: 51,829 m^2; hình thức sử dụng: sử dụng riêng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010264; hồ sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 do UBND thành phố H cấp ngày 24/8/2000; Vì vậy được hưởng 01 kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 là 13.579.198.000 đồng /6 = 2.263.200.000 đồng;
2.4. Xác định 01 ngôi nhà 04 tầng diện tích xây dựng xây dựng 01 tầng là 51,829 m2 diện tích sàn xây dựng là 227,4 m2 tại Số A, ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội là tài sản của Ông Nguyễn Xuân T6 và Bà Đặng Thị V.
2.5. Bà Đặng Thị V (Vợ ông T6), Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986 (Con Ông T6 và Bà V) và Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 (Con Ông T6 và Bà V) là những người thừa kế kế vị của Ông Nguyễn Xuân T6 hưởng 01 kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 là 13.579.198.000 đồng/6 = 2.263.200.000 đồng;
2.6. Bà Đặng Thị V (Vợ ông T6), Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986 (Con Ông T6 và Bà V) và Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 (Con Ông T6 và Bà V) là những người thừa kế kế vị của Ông Nguyễn Xuân T6 được hưởng tổng cộng là 02 kỷ phần (01 kỷ phần theo Điều 2.3 và 01 kỷ phần theo Điều 2.5) với giá trị là 4.526.400.000 đồng và được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46, địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (*Từ ngày 01/7/2025 là Số A, ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội*); diện tích đất: 51,829 m^2; hình thức sử dụng: sử dụng riêng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010264; hồ sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 do UBND thành phố H cấp ngày 24/8/2000 và được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .
2.7. Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 24/01/1960; Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh ngày 21/6/1963; Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970; Bà Nguyễn Thị Thu sinh 3; Mỗi người được hưởng thừa kế theo luật hưởng 01 kỷ phần đối với di sản của Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 có giá trị là: 13.579.198.000 đồng/6 = 2.263.200.000 đồng (Nhận bằng tiền);
2.8. Bà Đặng Thị V, Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986, Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 là những người thừa kế kế vị của Ông Nguyễn Xuân T6 phải có nghĩa vụ thanh toán cho: Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 24/01/1960, Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh ngày 21/6/1963, Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970, Bà Nguyễn Thị Thu sinh 3 mỗi người 01 kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Văn B và Bà Nguyễn Thị B1 là 2.263.200.000 đồng hạn cuối cùng là ngày 30/9/2026;
2.9. Trong trường Bà Đặng Thị V, Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986, Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 là những người thừa kế kế vị của Ông Nguyễn Xuân T6 vi phạm thời hạn thanh toán hạn cuối cùng là ngày 30/9/2026 thì Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 24/01/1960, Bà Nguyễn

Thị Minh T1 sinh ngày 21/6/1963, Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970, Bà Nguyễn Thị Thu sinh 3 có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 8E-II-46, địa chỉ: Số nhà F, tổ D, cụm H, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (*Từ ngày 01/7/2025 là Số A, ngõ A L, phường T, thành phố Hà Nội*); diện tích đất: 51,829 m^2; hình thức sử dụng: sử dụng riêng theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103010264; hồ sơ gốc số 4325.2000.QĐUB/14893.2000 do UBND thành phố H cấp ngày 24/8/2000 để thu hồi số tiền mỗi người được hưởng thừa kế là 2.263.200.000 đồng;

2.10. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 77.260.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, hại trăm sáu mươi nghìn đồng); Ghi nhận Bà Nguyễn Thị Kim T4 đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án là 46.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001982 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Vì vậy Bà Nguyễn Thị Kim T4 sinh 27/6/1970 còn phải nộp là 31.260.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thu sinh 3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 77.260.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu, hại trăm sáu mươi nghìn đồng); Ghi nhận Bà Nguyễn Thị T5 đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án là 46.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001983 ngày 22/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; Vì vậy Bà Nguyễn Thị Thu S1 31/12/1973 còn phải nộp là 31.260.000 đồng (Ba mươi mốt triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị T sinh ngày 24/01/1960, Bà Nguyễn Thị Minh T1 sinh ngày 21/6/1963 không phải chịu án án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm;

+ Bà Đặng Thị V sinh năm 1962 không phải chịu án án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do là người cao tuổi có đơn xin miễn giảm;

+ Anh Nguyễn Đại L sinh năm 1986, Anh Nguyễn Xuân M sinh năm 1996 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 57.260.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay và không bị kháng cáo, kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7, điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hà Nội;
-Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Hà Nội;
-Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
-Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đình Trung